

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 429/2020/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thuỳ T, sinh năm 1999

Trú tại: xóm T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Dương Kim Th, sinh năm 1991

Trú tại: xóm T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Thuỳ T và anh Dương Kim Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thuỳ T và anh Dương Kim Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Dương Phúc N, sinh ngày 30/01/2020 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Th có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Vũ Thị Thuỳ T tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, anh Th nhất trí; hoàn trả chị T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí. Chuyển từ tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ - BL số 0013688.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã ;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Hồng Mây

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/TB-TA

Đại Từ, ngày 02 tháng 02 năm 2021

**THÔNG BÁO BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi đối chiếu Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận ly hôn của đương sự số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thuỳ T, sinh năm 1999

Trú tại: xóm T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Dương Kim Th, sinh năm 1991

Trú tại: xóm T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Thì Quyết định trên ghi:

“Về cấp dưỡng nuôi con: hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết”.

Đối chiếu với Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành của các đương sự thì nội dung cấp dưỡng nuôi con được thoả thuận như sau:

“Về cấp dưỡng nuôi con: anh Th cấp dưỡng nuôi cháu Dương Phúc Nguyên, sinh ngày 30/01/2020 là 500.000đ/tháng(năm trăm ngàn đồng/ tháng) đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2021.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS”.

Do vậy nay Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận ly hôn của các đương sự số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2021 được bổ sung phần cấp dưỡng nuôi con như sau:

“Về cấp dưỡng nuôi con: anh Th cấp dưỡng nuôi cháu Dương Phúc Nguyên, sinh ngày 30/01/2020 là 500.000đ/tháng(năm trăm ngàn đồng/ tháng) đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2021.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS”.

Các nội dung khác của quyết định vẫn giữ nguyên.